

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi một số Điều của Nghị định 108/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2010 về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2010 về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (sau đây gọi là Nghị định 108/2009/NĐ-CP);

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số Điều của Nghị định 108/2009/NĐ-CP như sau:

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Chi phí lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án, kể cả chi phí liên quan đến việc chuẩn bị Dự án khác được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu khác (nếu có).”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Đề xuất dự án gồm những nội dung quy định đối với Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo pháp luật về xây dựng và những nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 12 Nghị định này.”

3. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Lập, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi để làm cơ sở cho việc lập hồ sơ mời thầu và tổ chức đàm phán Hợp đồng dự án với Nhà đầu tư.

2. Ngoài những nội dung được lập theo quy định của pháp luật về xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án BOT và Dự án BTO phải bao gồm những nội dung sau:

a) Phân tích sự cần thiết và những lợi thế của việc thực hiện Dự án theo hình thức Hợp đồng BOT, Hợp đồng BTO so với các hình thức đầu tư khác;

b) Xác định hàng hóa, dịch vụ và giá, phí dự kiến thu từ việc khai thác Công trình dự án;

c) Xác định thời gian xây dựng, khai thác và phương thức tổ chức quản lý, kinh doanh Công trình dự án;

d) Xác định các điều kiện, phương thức chuyển giao và tiếp nhận Công trình dự án phù hợp với quy định tại Chương VI Nghị định này;

đ) Đề xuất áp dụng các hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, bảo lãnh của Chính phủ (nếu có) phù hợp với quy định tại Chương VII Nghị định này.

3. Ngoài những nội dung được lập theo quy định của pháp luật về xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án BT phải bao gồm những nội dung sau:

a) Những nội dung thích hợp quy định tại các điểm a, d, đ khoản 2 Điều này;

b) Điều kiện thanh toán bằng tiền hoặc điều kiện thực hiện Dự án khác.

4. Thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án quan trọng quốc gia theo Nghị quyết của Quốc hội;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thuộc các Nhóm A, B và C.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2010.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Ban Điều hành 112, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b). XH.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng